

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-PT

Ngày 23 - 6 - 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
Hợp đồng thế chấp tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Quán

Các Thẩm phán: Ông Chu Văn Thanh

Ông Trương Quyết Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2023/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản*” do bản án sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐPT- KDTM ngày 17/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 42/2023/QĐ-PT ngày 06/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: Số nhà 108, đường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T - Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Lào Cai. Địa chỉ: Đại lộ Đ, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Bà Trần Thu H.

Địa chỉ: Số nhà 054, đường F, tổ 6, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Căn 915, tầng 9 Chung cư T. Số 414, đường H, phường K, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thu H: Ông Vương Ngọc L - Địa chỉ: Số nhà 072, đường T, tổ 4, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Giấy ủy quyền ngày 18/4/2023). (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hạ Văn D - Địa chỉ: Số nhà 054, đường F, tổ 6, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Chị Hoàng Hải Y - Địa chỉ: Số nhà 054, đường F, tổ 6, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Nguyễn Viết L - Địa chỉ: Số 575, đường Đ, tổ 10, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Viết L: Bà Trần Thu H - Địa chỉ: Căn 915, tầng 9 Chung cư T. Số 414, đường H, phường K, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C trình bày:

Bà Trần Thu H ký hợp đồng vay hạn mức số: 01/2019/TTH-HĐCVHM/NHCT180 ngày 01/7/2019 với Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Lào Cai (Viết tắt: C Bank - Lào Cai) vay hạn mức: Số tiền vay là 7.000.000.000 đồng (*Bảy tỷ đồng*). Dư nợ tạm tính đến ngày 30/9/2022 số tiền là: 9.129.257.003 đồng, trong đó: Dư nợ gốc số tiền là 6.900.000.000 đồng, lãi trong hạn số tiền là 1.541.031.394 đồng, lãi quá hạn số tiền là 688.225.609 đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng và các chi phí hợp lý phục vụ phương án kinh doanh; Thời hạn cho vay: Tối đa 06 tháng/Giấy nhận nợ; Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất có điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng.

Hợp đồng vay nêu trên được đảm bảo bằng các giao dịch sau:

- Hợp đồng thế chấp QSDĐ số: 01/2019/TTH/HĐBĐ/NHCT180 ngày 08/5/2019 giữa bà Trần Thu H, C Bank - Lào Cai và anh Nguyễn Viết L, được công chứng tại Văn phòng công chứng Q ngày 08/5/2019, số công chứng: 153.2019/HĐTC. Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD, tài sản thế chấp là: Quyền

sử dụng của bên thế chấp diện tích đất 121m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) số Đ 797137 do UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) cấp ngày 20/5/2004, vào sổ số: 01972QSDĐ/QĐ-144 (Q11) và mọi tài sản trên đất trước và trong quá trình xử lý tài sản thế chấp.

- Hợp đồng thế chấp QSDĐ số: 02/2019/TTH/HĐBĐ/NHCT180 ngày 08/7/2019 giữa Bên nhận thế chấp: C Bank - Lào Cai và Bên thế chấp: Bà Hoàng Hải Y, ông Hạ Văn D, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Q ngày 28/6/2019, số công chứng: 250.2019/HĐTC. Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD; Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng của bên thế chấp diện tích đất 147m² theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 518354 do UBND huyện S cấp ngày 20/11/2012, số vào sổ: CH00032 và mọi tài sản trên đất trước và trong quá trình xử lý tài sản thế chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay đến ngày 20/4/2020, bà Trần Thu H đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã tạo điều kiện để bà Trần Thu H tháo gỡ khó khăn và cam kết trả nợ nhưng bà Trần Thu H không thực hiện đúng cam kết. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Bà Trần Thu H phải có nghĩa vụ trả khoản vay tính đến ngày 06/3/2023 số tiền nợ gốc còn nợ, số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi nợ quá hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019/TTH-HĐCVHM/NHCT180 ngày 01/7/2019, số tiền là 9.529.954.431 đồng. Trong đó: Nợ gốc số tiền là 6.900.000.000 đồng; Lãi trong hạn số tiền là 1.808.146.462 đồng; Lãi quá hạn số tiền là 821.807.969 đồng. Cụ thể số tiền đã giải ngân, tiền lãi như sau:

- Giấy nhận nợ số 08, giải ngân ngày 02/01/2020:

Từ ngày 02/01/2020 đến ngày 20/3/2020 (78) ngày, số dư là 1.800.000.000 đồng, lãi suất 7,3%, lãi trong hạn 28.080.000 đồng, lãi trong hạn đã trả 30.255.825 đồng, lãi quá hạn 214.594.706, lãi quá hạn đã trả 3.781 đồng.

Từ ngày 20/3/2020 đến ngày 07/5/2020 (48) ngày số dư là 1.800.000.000 đồng, lãi suất 7,0%, lãi trong hạn 16.569.863 đồng.

Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 06/3/2023 (1.034) ngày, lãi suất 9,0%, số dư là 1.800.000.000 đồng, lãi trong hạn 458.926.027 đồng.

- Giấy nhận nợ số 09, giải ngân ngày 01/3/2020:

Từ ngày 03/01/2020 đến ngày 20/3/2020 (77) ngày, số dư là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 7,30%, lãi trong hạn 30.800.000 đồng, lãi quá hạn 240.903.777 đồng, lãi quá hạn đã trả 3.740 đồng.

Từ ngày 20/3/2020 đến ngày 07/5/2020 (48) ngày, lãi suất 7,0%, lãi trong hạn 18.410.959 đồng.

Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 06/3/2023 (1034) ngày, số dư là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 9,0%, lãi trong hạn 509.917.767 đồng.

- Giấy nhận nợ số 10, giải ngân ngày 06/01/2020:

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 20/3/2020 (74) ngày, số dư là 1.500.000.000 đồng, lãi suất 7,3%, lãi trong hạn 22.200.000 đồng, lãi trong hạn đã trả 31.117.808 đồng, lãi quá hạn 180.123.766 đồng, lãi quá hạn đã trả 2.548 đồng.

Từ ngày 20/3/2020 đến ngày 07/5/2020 (48) ngày, số dư 1.500.000.000 đồng, lãi suất 7,0%, lãi trong hạn 13.808.219 đồng.

Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 06/3/2023 (1034) ngày, số dư 1.500.000.000 đồng, lãi suất 9,0%, lãi trong hạn 382.438.356 đồng.

- Giấy nhận nợ số 11, giải ngân ngày 01/7/2020:

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 20/3/2020 (73) ngày, số dư 500.000.000 đồng, lãi suất 7,3%, lãi trong hạn 7.300.000 đồng, lãi trong hạn đã trả 7.300.000 đồng, lãi quá hạn 59.979.612 đồng.

Từ ngày 20/3/2020 đến ngày 07/5/2020 (48) ngày, số dư 500.000.000 đồng, lãi suất 7,0%, lãi trong hạn 4.602.740 đồng.

Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 06/3/2023 (1034) ngày, số dư 500.000.000 đồng, lãi suất 9,0%, lãi trong hạn 127.479.452 đồng.

- Giấy nhận nợ số 12, giải ngân ngày 01/9/2020:

Từ ngày 09/01/2020 đến ngày 20/3/2020 (71) ngày, số dư 100.000.000 đồng, lãi suất 7,3%, lãi trong hạn 1.420.000 đồng, lãi trong hạn đã trả 1.935.764 đồng, lãi quá hạn 11.996.117 đồng, lãi quá hạn đã trả 56 đồng.

Từ ngày 20/3/2020 đến ngày 07/5/2020 (48) ngày, số dư 100.000.000 đồng, lãi suất 7,0%, lãi trong hạn 920.548 đồng.

Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 06/3/2023 (1034) ngày, số dư 100.000.000 đồng, lãi suất 9,0%, lãi trong hạn 25.495.890 đồng.

- Giấy nhận nợ số 13, giải ngân ngày 03/5/2020:

Từ ngày 05/3/2020 đến ngày 13/3/2020 (8) ngày, số dư 300.000.000 đồng, lãi suất 7,50%, lãi trong hạn 493.151 đồng, lãi trong hạn đã trả 2.697.986 đồng, lãi quá hạn 33.694.248 đồng, lãi quá hạn đã trả 3.822 đồng.

Từ ngày 13/3/2020 đến ngày 20/3/2020 (7) ngày, số dư 300.000.000 đồng, lãi suất 7,30%, lãi trong hạn 420.000 đồng.

Từ ngày 20/3/2020 đến ngày 07/5/2020 (48) ngày, số dư 300.000.000 đồng, lãi suất 7,0%, lãi trong hạn 2.761.644 đồng.

Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 06/3/2023 (1.034) ngày, số dư 300.000.000 đồng, lãi suất 9,0%, lãi trong hạn 76.487.671 đồng.

- Giấy nhận nợ số 14, giải ngân ngày 03/10/2020:

Từ ngày 10/3/2020 đến ngày 20/3/2020 (10) ngày, số dư 500.000.000 đồng, lãi suất 7,30%, lãi trong hạn 1.000.000 đồng, lãi trong hạn đã trả 1.003.278 đồng, lãi quá hạn 55.972.752 đồng, lãi quá hạn đã trả 3.822 đồng.

Từ ngày 20/3/2020 đến ngày 07/5/2020 (48) ngày, số dư 500.000.000 đồng, lãi suất 7,0%, lãi trong hạn 4.602.740 đồng.

Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 06/3/2023 (1034) ngày, số dư là 500.000.000 đồng, lãi suất 9,0%, lãi trong hạn 127.479.452 đồng.

- Giấy nhận nợ số 15, giải ngân ngày 20/3/2020:

Từ ngày 20/3/2020 đến ngày 07/5/2020 (48) ngày, số dư 200.000.000 đồng, lãi suất 7,00%, lãi trong hạn 1.841.096 đồng, lãi trong hạn đã trả 1.189.041 đồng, lãi quá hạn 22.118.224 đồng.

Từ ngày 07/5/2020 đến ngày 06/3/2023 (1034) ngày, số dư 200.000.000 đồng, lãi suất 9,0%, lãi trong hạn 50.991.781 đồng.

Buộc bà Trần Thu H phải tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán hết nợ gốc, kể cả lãi chậm thi hành án cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C, theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đã ký trên sổ nợ gốc thực tế, kể từ ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần C khởi kiện cho đến khi thi hành án xong khoản nợ.

Trong trường hợp bà Trần Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, theo Hợp đồng cho vay thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C, có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên tài sản của ông Hạ Văn D và bà Hoàng Hải Y, bà Trần Thu H và anh Nguyễn Viết L theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2019/TTH/HĐBĐ/NHCT180 ngày 08/05/2019, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 02/2019/TTH/HĐBĐ/NHCT180 ngày 08/7/2019, thực hiện bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C. Trường hợp sau khi xử lý các tài sản bảo đảm trên, nếu không thu hồi đầy đủ toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ cùng số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi quá hạn thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C, có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án kê biên các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng bà Trần Thu H.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân thị xã S đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Trần Thu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hạ Văn D và bà Hoàng Hải Y, nhưng các ông bà không đến làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 117; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321;

Điều 323; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự. Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C như sau: Buộc bà Trần Thu H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C khoản nợ, số tiền tính đến hết ngày 06 tháng 3 năm 2023, nợ gốc số tiền là 6.900.000.000 đồng, lãi trong hạn số tiền là 1.808.146.462 đồng, lãi quá hạn số tiền là 821.807.969 đồng, tổng cộng số tiền là 9.529.954.431 đồng (*Chín tỷ năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi một đồng*).

Trường hợp bà Trần Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C. Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản của ông Hạ Văn D và bà Hoàng Hải Y, của bà Trần Thu H với anh Nguyễn Việt L theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ, tài sản thế chấp.

Trường hợp sau khi xử lý các tài sản bảo đảm trên nếu không thu hồi đầy đủ toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ cùng số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi quá hạn thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng bà Trần Thu H.

Kể từ ngày 07/3/2023 hàng tháng bà Trần Thu H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2019/TTH-HĐCVHM/NHCT180 ngày 01/7/2019 với Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Lào Cai và các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 17/3/2023, bị đơn bà Trần Thu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, ngoài ra xem xét miễn toàn bộ án phí cho bà H, không nhất trí việc quyết định của bản án tuyên bà H phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ đối với số tiền 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*)

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thu H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đều đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thu H, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai về phần án phí do Quyết định sửa đổi bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thu H nộp trong hạn luật định, có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thu H:

Theo Đơn kháng cáo, bị đơn bà Trần Thu H cho rằng để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C thì bà có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng. Tuy nhiên, diện tích đất và sơ đồ thửa đất theo hợp đồng thế chấp khác với diện tích đất thực tế sử dụng, hiện trạng sử dụng nên hợp đồng thế chấp là vi phạm quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà H chỉ thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay của anh Hạ Văn D và chị Hoàng Hải Y nên bà H không chấp nhận việc phát sinh lãi của khoản vay. Bà H đề nghị Tòa án xem xét miễn toàn bộ án phí cho bà và không nhất trí với quyết định của Tòa án sơ thẩm tuyên bà phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ số tiền 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*).

[2.1] Xét Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019/TTH-HĐCVHM/NHCT180 ngày 01/7/2019:

Ngày 01/7/2019 giữa Bên cho vay là Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Lào Cai (Viết tắt: C Bank - Lào Cai) với bà Trần Thu H (Bên vay) đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức 01/2019/TTH-HĐCVHM/NHCT180 thỏa thuận về việc C Bank - Lào Cai cam kết cho bà H vay các khoản tiền trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay theo Hợp đồng tại mọi thời điểm không vượt quá 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng); Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 01/7/2019 đến hết ngày 01/7/2020; Thời hạn cho vay của từng khoản nợ

được tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đến ngày bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn cho vay của khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 (Sáu) tháng. Ngoài ra, trong hợp đồng các bên còn thỏa thuận về lãi, phí, việc thanh toán, quy định giải ngân, biện pháp bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của các bên, quy định về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.

Tại thời điểm giao kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019 thì các bên tham gia giao kết hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Trần Thu H theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà H không có văn bản ý kiến, không đến làm việc tại Tòa án theo quy định. Đơn kháng cáo bà H cũng không có ý kiến gì liên quan đến việc giao kết Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 01/7/2019 với C Bank - Lào Cai.

Sau khi ký Hợp đồng, C Bank - Lào Cai đã thực hiện việc giải ngân các khoản nợ cho bên vay là bà H theo đúng thỏa thuận, bà Trần Thu H đã ký nhận nợ trong các Giấy nhận nợ, tổng số nợ gốc mà ngân hàng đã giải ngân là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng). Tuy nhiên, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi, gốc và phí theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 01/7/2019. Do đó, C Bank khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng các khoản nợ chưa thanh toán là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét các giao dịch bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 01/7/2019:

Khoản vay của bà Trần Thu H tại C Bank - Lào Cai được đảm bảo bằng các giao dịch sau:

- Hợp đồng thế chấp QSDĐ số: 01/2019/TTH/HĐBĐ/NHCT180 ngày 08/5/2019 giữa bà Trần Thu H, C Bank - Lào Cai và anh Nguyễn Việt L, được công chứng tại Văn phòng công chứng Q ngày 08/5/2019, số công chứng: 153.2019/HĐTC. Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng của bên thế chấp diện tích đất 121m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) số Đ 797137 do UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) cấp ngày 20/5/2004, vào sổ số: 01972QSDĐ/QĐ-144 (Q11) và mọi tài sản trên đất trước và trong quá trình xử lý tài sản thế chấp.

- Hợp đồng thế chấp QSDĐ số: 02/2019/TTH/HĐBĐ/NHCT180 ngày 08/7/2019 giữa Bên nhận thế chấp: C Bank - Lào Cai và Bên thế chấp: Bà Hoàng Hải Y, ông Hạ Văn D, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Q ngày 28/6/2019, số công chứng: 250.2019/HĐTC. Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD; Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng của bên thế chấp diện tích đất 147m² theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số BI 518354 do UBND huyện S cấp ngày 20/11/2012, số vào sổ: CH00032 và mọi tài sản trên đất trước và trong quá trình xử lý tài sản thế chấp.

Xét thấy, các hợp đồng thế chấp trên đều được lập thành văn bản, có đầy đủ nội dung, được công chứng theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp được đăng ký thế chấp, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S xác nhận nội dung thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Ngân hàng đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản thế chấp theo đúng quy định. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp cho thấy Tài sản được thế chấp là các thửa đất được UBND huyện Sa Pa (Nay là thị xã S) cấp cho bà H, ông D, bà Y theo các GCNQSDĐ số Đ 797137 cấp ngày 20/5/2004 và số BI 518354 cấp ngày 20/11/2012.

Đối với nội dung kháng cáo của bà H cho rằng tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2019/TTH/HĐBĐ/NHCT180 ngày 08/5/2019 chỉ đảm bảo cho khoản vay của ông Hạ Văn D và bà Hoàng Hải Y thấy rằng: Tại điểm 1.01 Điều 1 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2019/TTH/HĐBĐ/NHCT180 ngày 08/5/2019 giữa bên nhận thế chấp C Bank - Lào Cai với bên thế chấp bà Trần Thu H và ông Nguyễn Viết L thỏa thuận về việc bên thế chấp bà H và ông L đồng ý thế chấp tài sản của mình để đảm bảo cho nghĩa vụ của các Bên được bảo đảm là:

- Bà Trần Thu H - Chủ hộ kinh doanh Trần Thu H;
- Bà Trần Thu H và/hoặc ông Nguyễn Viết L;
- Bà Hoàng Hải Y và/hoặc ông Hạ Văn D;
- Bà Hoàng Hải Y - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Hải Y.

Tại điểm 1.02 Điều 1 của Hợp đồng ghi: *“Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn (bao gồm: gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác) của các Bên được bảo đảm phát sinh từ tất cả các hợp đồng cho vay (hợp đồng tín dụng), hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng chiết khấu, hợp đồng bao thanh toán, văn bản liên quan tới việc phát hành L/c, hợp đồng mua bán trái phiếu, hợp đồng cấp tín dụng khác và cá văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) và (các) Bên được bảo đảm ký với Bên nhận thế chấp trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng này.”*

Như vậy, tài sản là quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số Đ 797137 do UBND huyện S cấp ngày 20/5/2004 cho bà Trần Thu H được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay phát sinh từ các hợp đồng cấp tín dụng của các Bên được bảo đảm đã kể trên trong đó có khoản vay của bà Trần Thu H, phạm vi bảo đảm bảo gồm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn bao gồm: gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác. Khi ký Hợp đồng thế chấp bà H, ông L có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ép buộc, đe dọa, đã được tự đọc lại nguyên văn hợp đồng. Do đó, việc bà H cho rằng tài sản

quyền sử dụng đất bà chỉ thế chấp để đảm bảo khoản vay của anh Hạ Văn D, chị Hoàng Hải Y và không chấp nhận việc phát sinh lãi của khoản vay là không có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo về án phí sơ thẩm và chi phí thẩm định tại chỗ:

Từ những phân tích trên thấy rằng bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C về việc buộc bà Trần Thu H có nghĩa vụ trả nợ, quyền yêu cầu cơ quan thi hành xử lý tài sản thế chấp, kê biên tài sản để thu hồi đầy đủ toàn bộ số nợ là có căn cứ. Do đó, Tòa án sơ thẩm buộc bà H phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là đúng quy định tại Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bà H không có đơn đề nghị xin được miễn án phí, chi phí tố tụng khác. Do đó, bà H kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xem xét miễn toàn bộ án phí cho bà và không nhất trí việc phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Trên cơ sở những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Trần Thu H là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân thị xã S.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, Hội đồng xét xử xét thấy sau khi ban hành bản án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định số 04/2023/QĐ-SCBSQĐ bổ sung bản án xác định lại trách nhiệm chịu án phí của bà H theo quy định. Việc ban hành văn bản trên có sai sót nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự vì vậy ý kiến của đại diện VKSND tỉnh đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí không được chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy bà Trần Thu H phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thu H. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 117; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321;

Điều 323; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự. Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C như sau: Buộc bà Trần Thu H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C khoản nợ, số tiền tính đến hết ngày 06/3/2023, nợ gốc số tiền là 6.900.000.000 đồng, lãi trong hạn số tiền là 1.808.146.462 đồng, lãi quá hạn số tiền là 821.807.969 đồng, tổng cộng số tiền là 9.529.954.431 đồng (*Chín tỷ năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi một đồng*).

Trường hợp bà Trần Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C. Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản của ông Hạ Văn D và bà Hoàng Hải Y, của bà Trần Thu H với anh Nguyễn Viết L theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ, tài sản thế chấp.

Trường hợp sau khi xử lý các tài sản bảo đảm trên nếu không thu hồi đầy đủ toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ cùng số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi quá hạn thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng bà Trần Thu H.

Kể từ ngày 07/3/2023, hằng tháng bà Trần Thu H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/TTH-HĐCVHM/NHCT180 ngày 01/7/2019 với Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Lào Cai và các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Trần Thu H phải chịu 117.529.900 đồng (*Một trăm mười bảy triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm đồng*) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về chi phí thẩm định: Bà Trần Thu H phải chịu 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*) chi phí thẩm định tại chỗ.

2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Trần Thu H phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận bà Trần Thu H đã nộp số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

ký hiệu: AC-21P, số 0005148 ngày 27/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, tỉnh Lào Cai. Bà Trần Thu H đã nộp đủ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7 a, 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thị xã S;
- Chi cục THADS thị xã S;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Quán